

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2024
V/v: “Tranh chấp
hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt D

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy H

Ông Nguyễn Việt T

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Cẩm V - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh N – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 91/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1997

Địa chỉ nơi ĐKKHKT: Khu S, xã M, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu S, xã M, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T và anh L đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ ngày 21/4/2021. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân là do, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh L luôn chửi bới, xúc phạm chị và

gia đình chị và nhiều lần còn đánh đập chị. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Tại bản tự khai ngày 10 tháng 5 năm 2024, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh và chị T được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ ngày 21/4/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chủ yếu sinh sống ở Hà Nội (ở trọ). Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bản thân chị T làm quá mọi chuyện lên dẫn đến vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống. Từ tháng 11/2023, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Hà Nội ở còn anh thì về nhà ở xã M, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ ở. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T muốn ly hôn, anh L xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, anh L đã cố gắng níu kéo nhưng về phía chị T và gia đình chị nhất quyết muốn anh chị ly hôn nên anh L cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị T và anh L đều trình bày vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thùy T, sinh ngày 03/01/2023. Hiện nay cháu T đang ở với anh L.

Về quan điểm của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Trong thời gian chị và anh L ly thân, anh L có thỉnh thoảng đến thăm cháu T. Gia đình chị T đã tạo điều kiện cho anh đến thăm và cho bé đi chơi. Vào hồi 20 giờ ngày 30/12/2023 anh L đến thăm cháu T thì có xin cho bế cháu 01 lúc và anh đã bế đi luôn không nói gì cho gia đình chị biết. Từ lúc anh L bế cháu T đi thì chị T đã gọi rất nhiều cuộc điện thoại cho anh và gia đình anh nhưng không được. Bố đẻ chị T có gọi điện cho bố anh L thì bố anh L nói là không thấy anh L đưa cháu T về quê. Chị T và bố đẻ đã lên nhà anh L và thấy anh L và bé T ở nhà. Chị T có xin phép được đưa cháu T về bên ngoại để chăm sóc thì anh L đánh chị và đuổi chị ra khỏi nhà. Mọi người đã khuyên chị T về và mấy ngày nữa sẽ mang cháu T trả cho chị nhưng chị T không thấy đâu. Chị T đã điện thoại cho anh L nhưng anh L đã chặn hết số của chị, điện thoại cho các thành viên gia đình khác nhà anh L thì đều bị lảng tránh, không muốn nói chuyện. Sau đó chị T có lên nhà anh L thêm 02 lần thì gia đình anh L luôn lấy lý do để đuổi chị T về. Lần gần đây nhất, chị T lên thì anh L đã đánh chị T ở trước cửa nhà vì chị T lên thấy cháu T đứt tay, chảy máu sưng hết bàn tay lên, chị T hỏi thì anh L và gia đình đổ lỗi cho cháu T nghịch, chị T có hỏi anh L mang con về chăm sóc mà để con như vậy à thì anh L đã đánh chị. Trong thời gian ly thân cho đến nay, có người nói cho chị T biết là anh L ở quê đã có người phụ nữ khác dẫn về nhà. Khi ly hôn, chị T mong muốn được trực tiếp nuôi

cháu T và không đề nghị anh L phải cấp dưỡng. Hiện nay chị T đang làm tại Công ty TNHH dược phẩm EOC Việt Nam, địa chỉ: Tổ 11, phường Y, quận H, thành phố H với thu nhập bình quân 8 triệu đồng/ 01 tháng.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn L, anh L có quan điểm: Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, cháu T đang ở với anh. Anh L đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T để cháu T được phát triển toàn diện. Anh L cho rằng, chị T là một người vô tâm, thiếu trách nhiệm với gia đình và con cái nên anh L không thể để cháu T chung sống với người mẹ như vậy được. Hiện nay, anh L làm lao động tự do nên không thể cung cấp bằng L và thu nhập của bản thân được. Anh L không có quan điểm về cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L đều trình bày vợ chồng không có không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện, chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4, Điều 147; Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS. Điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thùy T, sinh ngày 03/01/2023 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công, nợ, công sức: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn L phải chịu 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”. Bị đơn là anh Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại Khu S, xã M, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Nguyễn Văn L đều có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L được tự do tìm hiểu và kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc đảm bảo các điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh L đều thừa nhận, trong cuộc sống chung giữa vợ chồng chị T và anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Hiện nay, vợ chồng không còn sống chung, phần ai người đó sống và không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Xét thấy mục đích của hôn nhân giữa chị T và anh L không đạt được, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu ly hôn và anh L đồng ý. Do vậy, áp dụng Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L là đúng quy định của pháp luật.

[2.2]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L đều thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thùy T, sinh ngày 03/01/2023, hiện cháu T đang ở với ông, bà nội tại khu S, xã M, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Nay chị T và anh L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh L cho rằng chị T là người vô trách nhiệm với gia đình và con cái nhưng không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào để chứng minh. Nên anh không thể để cho chị T chăm sóc cháu T được mà anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không có quan điểm về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T trình bày: Chị vẫn quan tâm thường xuyên đến con, thỉnh thoảng vẫn về thăm nom cháu T nhưng bị gia đình anh L ngăn cấm, không tạo điều kiện cho chị được thăm nom cháu T, đưa cháu đi chơi. Xét thấy, cả chị T và anh L đều có đủ điều kiện để nuôi con chung nhưng cháu T hiện nay còn rất nhỏ, dưới 36 tháng tuổi lại là con gái nên

cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Chị T trình bày: Chị đang làm tại Công ty TNHH dược phẩm EOC Việt Nam, địa chỉ: Tổ 11, phường Y, quận H, thành phố H với thu nhập bình quân 8 triệu đồng/ 01 tháng có đủ điều kiện để nuôi con, còn anh L trình bày hiện anh đang làm lao động tự do nên không xuất trình được thu nhập bình quân hàng tháng cho Tòa án được. Vì vậy, việc giao con chung chưa thành niên cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp và đúng với quy định pháp luật.

Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung là việc tự nguyện của chị T. Anh L không có quan điểm về cấp dưỡng nên không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung và công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L đều xác định không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4, Điều 147; Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238 BLTTDS. Điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L.

[2]. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thùy T, sinh ngày 03/01/2023 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung; nợ chung và công sức đóng góp: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L đều xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 75.000đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004802 ngày 043/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị T được hoàn lại 225.000đồng tiền án phí.

Anh Nguyễn Văn L phải chịu 75.000đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng)

[5]. Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.Cẩm Khê;
- UBND xã M;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Việt D